

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **26/2018/HNGĐ-ST**.

Ngày: 24/5/2018.

V/v: “*Tranh chấp về chia tài sản chung
của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN**

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Tuất.
2. Ông Lưu Xuân Vĩnh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tân - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 15 tháng 3 năm 2018 và 24 tháng 5 năm 2018, tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2018/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 01 năm 2018, về việc: “*Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2018/QĐXX-ST, ngày 23 tháng 02 năm 2018 và Thông báo thời gian tiếp tục phiên Tòa bị tạm ngừng số 02/2018/TB-TA, ngày 04/5/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích Tr, sinh năm 1997. Vắng mặt.

Đại diện theo ủy quyền của chị Nguyễn Thị Bích Tr: Bà Lưu Thị Thu V, sinh năm 1973; Có mặt.

Cùng trú địa chỉ: Thôn 2, xã NĐ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1992. Có mặt.

Địa chỉ: Thôn 7, xã NĐ, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bích Tr yêu cầu: Chị Tr và anh Nguyễn Anh T kết hôn năm 2015, chung sống với nhau đến năm 2017 thì ly hôn theo quyết định số

53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Khi ly hôn, mặc dù chị Tr và anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nhưng chị Tr và anh T tự nguyện thỏa thuận và lập giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung, thể hiện anh T sẽ có nghĩa vụ hoàn trả lại cho chị Tr số tiền, vàng cưới là 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng; thời hạn trả chậm nhất là cuối năm 2017. Nhưng cho đến nay anh T vẫn không trả, nên chị Tr làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện theo ủy quyền của chị Tr là bà Lưu Thị Thu V yêu cầu HĐXX xem xét giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung để giải quyết buộc anh Nguyễn Anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích Tr số tiền, vàng cưới là 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng 24k. Bà V đồng ý xác định giá vàng theo giá hiện nay được khảo sát trên thị trường là 3.560.000 đồng/ chỉ.

Bị đơn - anh Nguyễn Anh T trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn:

Anh T và chị Tr kết hôn chung sống với nhau đến tháng 4/2017 ly hôn theo quyết định số 53/2017/QĐST-HNGĐ ngày 24/4/2017 của Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Khi ly hôn anh T và chị Tr tự lập giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung, theo đó anh T cam kết chậm nhất đến cuối năm 2017 sẽ trả cho chị Tr số tiền, vàng cưới là 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng; nhưng anh T cho rằng giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung đã lập vào ngày 14/4/2017 là không đúng, trước đây anh T ký giấy thỏa thuận phân chia tài sản mục đích là để giành quyền nuôi con sau khi ly hôn. Hiện nay anh T xác định tiền cưới chỉ có 9.500.000đ và 5 chỉ vàng 24K nhưng chị Tr đã lấy 3,5 chỉ vàng; do đó hiện nay anh T chỉ còn giữ 9.500.000đ và 1,5 chỉ vàng 24K. Anh T chỉ đồng ý trả cho chị Tr 9.500.000đ và 1,5 chỉ vàng 24k. Anh T đồng ý xác định giá vàng theo giá hiện nay được khảo sát trên thị trường là 3.560.000 đồng/ chỉ.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến như sau:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân thủ theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Sau khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên Tòa, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo pháp luật quy định.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Tr về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Đề nghị buộc anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Tr 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng 24k. Đề nghị buộc anh T phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, sau khi nghe đương sự trình bày, nghe tranh luận, nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án; sau khi thảo luận và nghị án. Hội đồng xét xử Toà án nhân dân huyện Tánh Linh nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng tại phiên Tòa:* Nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bích Tr tại phiên Tòa mở ngày 15/3/2018 có mặt tham gia tố tụng nhưng khi phiên Tòa bị tạm ngừng được mở lại vào ngày 24/5/2018 thì chị Tr vắng mặt nhưng đã ủy quyền tham gia tố tụng cho bà Lưu Thị Thu V. Do đó HĐXX vẫn tiếp tục xét xử vắng mặt chị Tr là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 228 BLTTDS.

[2] *Về quan hệ tranh chấp:* Quá trình thu thập chứng cứ cũng như tại phiên Tòa hôm nay, các đương sự xác định khi chị Tr và anh T làm thủ tục ly hôn, hai bên tự thỏa thuận phân chia về tài sản chung nhưng sau đó, anh T không thực hiện việc giao trả tài sản chung cho chị Tr như thỏa thuận nên chị Tr khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó HĐXX thấy có đủ cơ sở để xác định quan hệ tranh chấp cần giải quyết trong vụ án này là “*Tranh chấp về chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân*” là phù hợp với quy định tại khoản 2, Điều 28 Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 59 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[3]- *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Nguyễn Thị Bích Tr:*

Tại phiên Tòa hôm nay, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; buộc anh Nguyễn Anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích Tr 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng 24k. Bởi vì chị Tr và anh T kết hôn năm 2015; quá trình tổ chức lễ cưới theo phong tục truyền thống thì vợ chồng chị Tr, anh T có được cha mẹ, dòng họ và bạn bè, bà con hàng xóm mừng hạnh phúc, tặng quà cưới bằng vàng và tiền mặt. Sau khi cưới xong thì số tiền, vàng này trở thành tài sản chung của vợ chồng và giao cho anh T cất giữ. Quá trình chung sống nảy sinh nhiều mâu thuẫn nên đến năm 2017, chị Tr và anh T làm thủ tục ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh. Quá trình giải quyết ly hôn thì chị Tr và anh T thuận tình ly hôn, hai bên thỏa thuận giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và tự thỏa thuận phân chia tài sản chung; cả hai đã lập giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung ngày 14/4/2017, có nội dung “*bên chồng là Nguyễn Anh T có nghĩa vụ hoàn trả lại cho bên vợ là Nguyễn Thị Bích Tr số tiền cưới là 14.500.000 và số vàng là 7 chỉ rưỡi. Thời hạn trả chậm nhất là cuối năm 2017. Hai vợ chồng tôi chỉ yêu cầu phân chia những tài sản như trên, không tranh chấp gì thêm*”. Tuy nhiên đã quá thời hạn cam kết mà anh T không thực hiện nên chị Tr khởi kiện.

Trong quá trình thu thập chứng cứ thể hiện, ban đầu tại bút lục số 12, biên bản ghi lời khai của anh T ngày 26/01/2018 thì anh T công nhận những nội dung đã thỏa thuận là đúng, chữ ký trong giấy thỏa thuận là của anh T và đồng ý trả lại tiền, vàng cho chị Tr như thỏa thuận. Nhưng trong quá trình hòa giải cũng như tại phiên Tòa hôm nay, anh T cho rằng việc anh đồng ý ký vào giấy đã lập ngày 14/4/2017 là để anh T có được quyền nuôi con chứ số tiền và vàng hiện nay anh T chỉ còn giữ 9.500.000đ và 1,5 chỉ vàng 24k. Trong đó thực chất tiền mừng cưới bên nhà chị Tr cho chỉ là 9.300.000 đồng nhưng anh T đồng ý trả lại 9.500.000 đồng. Để chứng minh cho yêu cầu của mình, anh T đã cung cấp một tờ giấy tập học sinh có nội dung thể hiện các khoản tiền mừng đám cưới được chị Tr ghi lại

trong quá trình kiểm đếm tiền mừng cưới; có dòng chữ thể hiện nội dung “*tiền nhà gái 9.300.000đ*”. Chị Tr xác định dòng chữ viết “*tiền nhà gái 9.300.000đ*” trong giấy do anh T cung cấp không phải là chữ viết của chị Tr nên anh T đã yêu cầu giám định chữ viết; kết quả giám định xác định dòng chữ này là do chị Tr viết nhưng tại phiên Tòa, đại diện theo ủy quyền của chị Tr cho rằng việc kiểm tiền mừng cưới đã diễn ra trước đó; còn việc chị Tr khởi kiện là căn cứ vào giấy thỏa thuận phân chia tài sản được lập khi hai bên ly hôn nên bác bỏ hoàn toàn chứng cứ của anh T đưa ra.

Như vậy, qua các tài liệu chứng cứ đã được thu thập cũng như qua tranh tụng tại phiên Tòa HĐXX nhận thấy: Anh T thừa nhận giữa hai bên có thỏa thuận nội dung và lập giấy phân chia tài sản chung khi ly hôn, anh T có ký vào giấy do chị Tr viết ngày 14/4/2017 tại Tòa án, mỗi bên giữ một bản sau khi ly hôn. Việc thỏa thuận giao con chung cho anh T nuôi dưỡng khi ly hôn là sự tự nguyện của chị Tr, nội dung giấy thỏa thuận không thể hiện gì đến điều kiện giao quyền nuôi con chung cho anh T khi chia tài sản chung. Mặc khác, sau khi anh T không thực hiện việc phân chia tài sản chung thì chị Tr vẫn để anh T tiếp tục nuôi con chung chứ không tranh chấp về quyền nuôi con với anh T. Như vậy, lời trình bày của anh T xác định việc ký vào giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung như một điều kiện để được nuôi con chung khi ly hôn là không có cơ sở để chấp nhận. Riêng về chứng cứ giấy ghi nội dung kiểm đếm tiền mừng cưới là ghi nhận nội dung diễn ra trước khi chị Tr và anh T thỏa thuận chia tài sản chung khi ly hôn nên không thể chứng minh được việc hiện nay anh T chỉ còn thiếu chị Tr số tiền 9.500.000 đồng như anh T đã trình bày. Tại phiên Tòa hôm nay, anh T không cung cấp được chứng cứ gì khác để chứng minh việc không tự nguyện ký vào giấy thỏa thuận phân chia tài sản chung và số tài sản chung anh T đang còn cất giữ của chị Tr là 9.500.000đ và 1,5 chỉ vàng 24k.

Từ những phân tích như trên; Hội đồng xét xử nhận thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - chị Tr là có căn cứ được chấp nhận nên cần buộc anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Tr phần tài sản chung 14.500.000đ và 7,5 chỉ vàng 24k là phù hợp với quy định tại Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014.

[4] *Về chi phí giám định chữ viết*: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Anh T yêu cầu giám định dòng chữ viết “*tiền nhà gái 9.300.000đ*” trong tờ giấy tập học sinh có nội dung thể hiện các khoản tiền được chị Tr ghi lại trong quá trình kiểm đếm tiền mừng cưới. Anh T đã nộp tạm ứng chi phí giám định số tiền 3.100.000 đồng (bồi dưỡng giám định viên). Tại phiên Tòa hôm nay, anh T yêu cầu chị Tr phải trả lại cho anh T số tiền đã chi phí này. Hội đồng xét xử nhận thấy tuy kết quả giám định xác định chữ viết trong tài liệu cần giám định và các mẫu đối chiếu là của chị Tr viết. Nhưng chứng cứ do anh T cung cấp không có ý nghĩa chứng minh cho lời khai của anh T và bị HĐXX bác bỏ. Do đó anh T yêu cầu Tòa án giám định phải chịu chi phí giám định là phù hợp với quy định tại các Điều 159, 160 và 161 BLTTDS. Số tiền tạm ứng chi phí giám định 3.100.000 đồng anh T đã nộp được tính thành chi phí giám định nên anh T không phải nộp thêm.

[5] *Về án phí*: Cần buộc anh T phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với phần nghĩa vụ phải thực hiện. Trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho chị Tr là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:**Căn cứ vào:**

- Khoản 2 Điều 28; Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 159, 160, 161, 203 và khoản 2 Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Các Điều 357, 468 BLDS năm 2015;
- Điều 59 Luật HNGĐ năm 2014;
- Nghị quyết 326 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Bích Tr về việc phân chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân đối với anh Nguyễn Anh T. Buộc anh Nguyễn Anh T phải có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị Bích Tr phần tài sản chung là 14.500.000đ (mười bốn triệu, năm trăm ngàn đồng) và 7,5 chỉ (bảy chỉ, năm phân) vàng 24k.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên được thi hành án, nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ hoàn trả tiền (14.500.000đ) thì còn phải chịu thêm khoản tiền lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 357 và Điều 468 BLDS 2015 tương ứng với số tiền (14.500.000đ) và thời gian chậm thi hành.

Về án phí:

- Anh Nguyễn Anh T phải nộp 2.060.000đ án phí DS/ST.
- Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Bích Tr số tiền 1.019.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0012371, ngày 12/01/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Tánh Linh.

Án xử sơ thẩm. Các đương sự có mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 24/5/2018. (Đã giải thích quyền kháng cáo).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án Dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Tánh Linh;
- Các đương sự;
- CC Thi hành án dân sự h. Tánh Linh;
- Lưu VP, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Hạ Hải Hồ